

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Phương án điều chỉnh thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2014 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số;

Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-TTg, ngày 10/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí năm 2015 để thực hiện Đề án điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số;

Căn cứ Văn bản Phân công trách nhiệm giữa Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê về thực hiện Đề án Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015 ký ngày 10/6/2015;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Giám đốc Trung tâm Thông tin,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều chỉnh thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số tại các Bộ, ngành, địa phương.

**Điều 2.** Giao Trung tâm Thông tin chủ trì, phối hợp với các Vụ, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban Dân tộc tổ chức thực hiện Phương án thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thủ trưởng các Vụ, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT (để b/c);
- Công TTĐT UBDT;
- Lưu: VT, KHTC (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**  
**THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Phan Văn Hùng**



ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### **PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH**

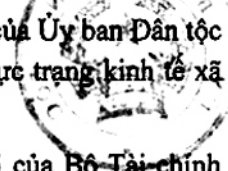
**Thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội  
của 53 dân tộc thiểu số năm 2015**

*(Kèm theo Quyết định số 669/QĐ-UBND, ngày 07/12/2015  
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

#### **1. Căn cứ pháp lý, mục đích, yêu cầu thu thập**

##### **1.1. Căn cứ pháp lý**

- Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/03/2003 của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7, khóa IX về công tác dân tộc;
- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/11/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;
- Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;
- Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số;
- Thông tư 06/2014/TT-UBND ngày 10/12/2014 của Ủy ban Dân tộc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc;
- Thông tư số 53/TT-BTC ngày 9/4/2012 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí các cuộc điều tra thống kê do Thủ tướng Chính phủ quyết định;
- Chương trình Phối hợp số 105/CTPH-UBND-TCTK ngày 18/02/2014 về công tác thống kê trong lĩnh vực Công tác Dân tộc;
- Công văn ngày 10/6/2015 về Phân công trách nhiệm giữa Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê về thực hiện Đề án Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015;
- Căn cứ Chương trình phối hợp số 105/CTPH-UBND-TCTK ngày 18/02/2014 về công tác thống kê trong lĩnh vực Công tác Dân tộc;
- Căn cứ Công văn ngày 10/6/2015 về Phân công trách nhiệm giữa Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê về thực hiện Đề án Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015;

- 
- Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Ủy ban Dân tộc về việc ban hành Phương án thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số;
  - Căn cứ văn bản số 12865/BTC-HCSN ngày 16/9/2015 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí điều tra 53 dân tộc thiểu số;
  - Căn cứ Quyết định số 1954/QĐ-TTg ngày 10/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí năm 2015 để thực hiện Đề án điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số;

### **1.2. Mục đích thu thập**

Thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015 nhằm các mục đích chính sau:

- Làm cơ sở hình thành hệ thống thông tin, dữ liệu thống kê về dân tộc thiểu số tại Việt Nam;
- Phối hợp với kết quả điều tra do Tổng cục Thống kê thực hiện nhằm đưa ra bức tranh tổng thể phản ánh thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số phục vụ cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho vùng dân tộc thiểu số;
- Việc thu thập thông tin được thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin để biên soạn các chỉ tiêu thống kê phục vụ yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

### **1.3. Yêu cầu thu thập thông tin**

- Thu thập thông tin đầy đủ, chính xác, phù hợp;
- Thông tin thu thập đúng thời điểm, kịp thời;
- Thu thập thông tin đảm bảo tiến độ của cuộc điều tra, thu thập thông tin;
- Việc thu thập thông tin phải được thực hiện đúng các nội dung quy định trong phương án và sử dụng kinh phí thu thập đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm và hiệu quả.

## **2. Đối tượng, đơn vị và phạm vi thu thập**

### **2.1. Đối tượng thu thập**

Đối tượng thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số bao gồm:

- (i) Tiếp cận hạ tầng

- (ii) *Phát triển kinh tế*
- (iii) *Lao động, việc làm*
- (iv) *Giáo dục – đào tạo*
- (v) *Y tế, dân số*
- (vi) *Văn hóa, xã hội*
- (vii) *Môi trường*
- (viii) *Cán bộ, đảng viên*
- (ix) *Tôn giáo, tín ngưỡng*
- (x) *Tệ nạn xã hội*
- (xi) *An ninh nông thôn*
- (xii) *Thực hiện chính sách dân tộc*

## **2.2. Phạm vi thu thập thông tin**

Việc thu thập thông tin sẽ được thực hiện tại các đơn vị sau:

- Các Bộ, ngành ở Trung ương;
- 51 Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm: 49 tỉnh có xã thuộc vùng dân tộc và miền núi theo Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân tộc và Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương (là 2 địa phương tuy không có trong quyết định 447/QĐ-UBND nhưng là 2 địa phương có các xã, phường, thị trấn có nhiều hộ dân tộc sinh sống);
- Các huyện có đồng bào dân tộc thiểu số của 51 tỉnh/thành phố nêu trên;

## **2.3. Đơn vị thu thập thông tin**

- Bộ, ngành: 05 Bộ, Ngành có các chỉ tiêu cần thu thập thông tin gồm: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Bộ Nội vụ và Bộ Y tế

- 51 Tỉnh, Thành phố
- 455 huyện nằm trong 51 Tỉnh, Thành phố

## **3. Thời gian thu thập thông tin**

Từ tháng 12/2015.



#### 4. Nội dung thu thập thông tin

TT	Chỉ tiêu	Phân tổ thông tin	Cơ quan báo cáo
<b>I</b>	<b>Tiếp cận hạ tầng</b>		
1	Số lượng xã có hạ tầng đảm bảo được các tiêu chí của nông thôn mới	Tỉnh, huyện	Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn
2	Số thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia	Tỉnh, huyện, xã	Sở Công Thương
3	Số hộ dân tộc thiểu số chưa được dùng điện lưới quốc gia	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Công Thương
4	Số thôn, bản chưa có đường giao thông được cứng hóa đến trung tâm xã	Tỉnh, huyện, xã	Sở Giao thông Vận tải
5	Số xã chưa được phủ sóng phát thanh, truyền hình	Tỉnh, huyện	Sở Thông tin Truyền thông
6	Số thôn, bản chưa được phủ sóng điện thoại di động	Tỉnh, huyện, xã	Sở Thông tin Truyền thông
7	Số xã chưa được kết nối Internet	Tỉnh, huyện	Sở Thông tin Truyền thông
<b>II</b>	<b>Phát triển kinh tế</b>		
8	Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn	Tỉnh, huyện, xã	Sở Kế hoạch Đầu tư
9	Số lượng hợp tác xã trên địa bàn	Tỉnh, huyện, xã	Liên minh Hợp tác xã
10	Số lượng trang trại trên địa bàn	Tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn
11	Số chủ doanh nghiệp là người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Kế hoạch Đầu tư

TT	Chỉ tiêu	Phân tổ thông tin	Cơ quan báo cáo
12	Số chủ trang trại là người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn
<b>III</b>	<b>Lao động, việc làm</b>		
13	Số lượng cơ sở dạy nghề	Cấp học, tỉnh	Sở Lao động Thương binh Xã hội, Bộ Lao động Thương binh Xã hội
14	Số lượng học viên học nghề là người dân tộc thiểu số	Dân tộc, cấp học, tỉnh	Sở Lao động Thương binh Xã hội, Bộ Lao động Thương binh Xã hội
<b>IV</b>	<b>Giáo dục – Đào tạo</b>		
15	Số trường phổ thông dân tộc nội trú	Cấp trường, tỉnh, huyện	Sở Giáo dục Đào tạo
16	Số trường phổ thông dân tộc bán trú	Cấp trường, tỉnh, huyện	Sở Giáo dục Đào tạo
17	Số trường học trên địa bàn đạt chuẩn	Cấp trường, tỉnh, huyện, xã	Sở Giáo dục Đào tạo, Phòng Giáo dục Đào tạo huyện
18	Số lượng giáo viên người dân tộc thiểu số	Dân tộc, đạt chuẩn, cấp trường, loại trường, tỉnh, huyện	Sở Giáo dục Đào tạo
19	Số lượng học sinh dân tộc thiểu số trong độ tuổi đi học được đến trường	Dân tộc, cấp học, tỉnh,	Sở Giáo dục Đào tạo,

TT	Chỉ tiêu	Phân tổ thông tin	Cơ quan báo cáo
		huyện, xã	Phòng Giáo dục Đào tạo huyện
20	Số lượng học sinh trung cấp chuyên nghiệp là người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh	Sở Giáo dục Đào tạo, Bộ chủ quản
21	Số lượng sinh viên cao đẳng, đại học là người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh	Bộ Giáo dục Đào tạo
22	Số lượng học viên sau đại học là người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh	Bộ Giáo dục Đào tạo
23	Số lượng sinh viên dân tộc thiểu số học cử tuyển	Dân tộc, tỉnh, huyện	Sở Giáo dục Đào tạo
24	Số lượng sinh viên dân tộc thiểu số học cử tuyển đã tốt nghiệp được bố trí việc làm	Dân tộc, tỉnh, huyện	Sở Nội vụ
25	Số lượng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp chưa có việc làm	Dân tộc, tỉnh, huyện	Sở Nội vụ, Sở Lao động Thương binh Xã hội
V	<b>Y tế, dân số</b>		
26	Số xã có trạm y tế	Tỉnh, huyện, đạt chuẩn	Sở Y tế
27	Số trạm y tế xã có bác sỹ	Tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế
28	Số bác sỹ người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Bộ Y tế, Sở Y tế
29	Số lương y người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở y tế, Phòng Y tế huyện
30	Số lượng người dân tộc thiểu số tảo hôn	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp huyện

TT	Chỉ tiêu	Phân tổ thông tin	Cơ quan báo cáo
31	Số lượng người dân tộc thiểu số kết hôn cận huyết thống	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp huyện
<b>VI</b>	<b>Văn hóa, xã hội</b>		
32	Số nhà văn hóa thôn	Tỉnh, huyện, xã, đạt chuẩn	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch, Phòng Văn hóa
33	Số lễ hội truyền thống trong năm	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Văn hóa Thể thao Du lịch
<b>VII</b>	<b>Môi trường</b>		
34	Số hộ dân tộc thiểu số thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn
35	Số hộ dân tộc thiểu số chưa có hố xí hợp vệ sinh	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế
<b>VIII</b>	<b>Cán bộ, đảng viên</b>		
36	Số lượng người dân tộc thiểu số công tác trong cơ quan đảng các cấp	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Ban Tổ chức tỉnh ủy
37	Số đảng viên người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Ban Tổ chức tỉnh ủy
38	Số lượng thôn, bản chưa có đảng viên	Tỉnh, huyện, xã	Ban Tổ chức tỉnh ủy, Ban Tổ chức huyện ủy
39	Số lượng thôn, bản chưa có chi bộ	Tỉnh, huyện, xã	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức huyện ủy

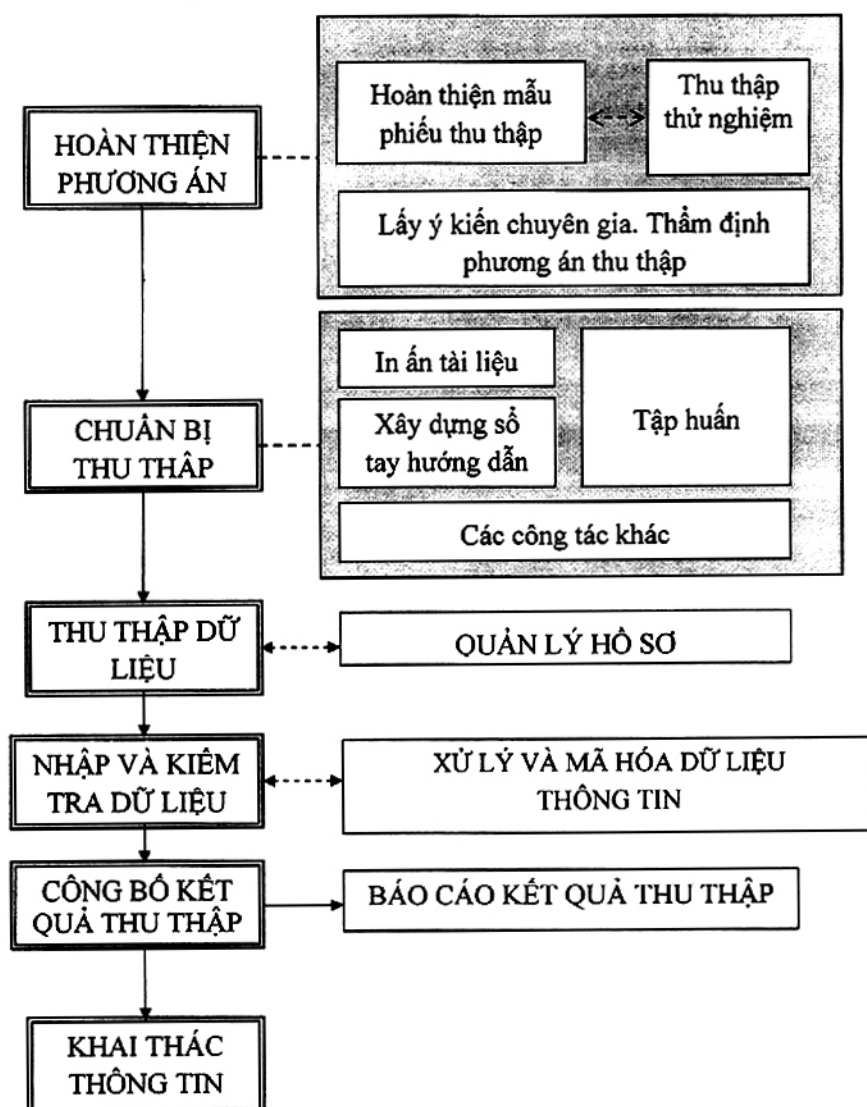
TT	Chỉ tiêu	Phân tổ thông tin	Cơ quan báo cáo
40	Số lượng đại biểu hội đồng nhân dân là người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Hội đồng nhân dân tỉnh
41	Số lượng công chức người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Nội vụ
42	Số lượng viên chức người dân tộc thiểu số	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Nội vụ
43	Số công chức xã người dân tộc thiểu số chưa đạt chuẩn	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ
<b>IX</b>	<b>Tôn giáo, tín ngưỡng</b>		
44	Số tổ chức tôn giáo trên địa bàn	Tôn giáo, tỉnh, huyện, xã	Sở Nội vụ
45	Số lượng tín đồ là người dân tộc thiểu số	Tôn giáo, dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)
46	Số lượng chức sắc tôn giáo là người dân tộc thiểu số	Tôn giáo, dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Nội vụ, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ)
47	Số người dân tộc thiểu số được các tổ chức tôn giáo đưa đi đào tạo trong và ngoài nước	Tôn giáo, dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Nội vụ, Công an tỉnh
<b>X</b>	<b>Tệ nạn xã hội</b>		
48	Số người dân tộc thiểu số nghiện ma túy	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Lao động Thương binh xã hội
49	Số người dân tộc thiểu số nhiễm HIV/AIDS	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Y tế
<b>XI</b>	<b>An ninh nông thôn</b>		

TT	Chỉ tiêu	Phân tổ thông tin	Cơ quan báo cáo
50	Số vụ khiếu kiện	Tỉnh, huyện, xã	Thanh tra tỉnh
51	Số đơn thư khiếu nại, tố cáo đã được tiếp nhận, giải quyết	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Thanh tra tỉnh, Thanh tra huyện
52	Số vụ tranh chấp đất đai	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Thanh tra tỉnh
<b>XII</b>	<b>Thực hiện chính sách dân tộc</b>		
53	Số hộ gia đình dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Ban Dân tộc
54	Số hộ gia đình dân tộc thiểu số thiếu đất ở	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Ban Dân tộc
55	Số hộ dân tộc thiểu số không có nhà ở, nhà tạm bợ	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Xây dựng
56	Số hộ dân tộc thiểu số được cứu đói giáp hạt	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Lao động Thương binh Xã hội
57	Số hộ dân tộc thiểu số được vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh
58	Số hộ dân tộc thiểu số nghèo	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Lao động Thương binh Xã hội
59	Số hộ dân tộc thiểu số cận nghèo	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Sở Lao động Thương binh Xã hội
60	Số hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Ban Dân tộc
61	Số hộ dân tộc thiểu số di cư tự phát	Dân tộc, nơi đi/đến, tỉnh, huyện, xã	Ban Dân tộc

TT	Chỉ tiêu	Phân tổ thông tin	Cơ quan báo cáo
62	Số hộ dân tộc thiểu số di cư tự phát đã được đăng ký hộ khẩu	Dân tộc, tỉnh, huyện, xã	Công an tỉnh, Công an huyện

## 5. Phương án thực hiện

### 5.1. Phương án tổng quan



### **Giai đoạn 1: Hoàn thiện phương án**

- Xây dựng Phương án thu thập thông tin.
- Lập mẫu phiếu thu thập.
- Thu thập thí điểm để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, biểu mẫu phiếu.
- Hội thảo nghiệp vụ chuyên môn, lấy ý kiến chuyên gia; thẩm định phương án thu thập; nghiệm thu phương án thu thập, nội dung phiếu thu thập, báo cáo kết quả.
- Xây dựng tài liệu hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ cho các cán bộ đi tập huấn, cán bộ đi thu thập thông tin, cán bộ kiểm tra, giám sát.

### **Giai đoạn 2: Chuẩn bị thu thập thông tin**

- In tài liệu hướng dẫn, sổ tay nghiệp vụ cho cán bộ đi tập huấn và thu thập thông tin.
- Tập huấn cho các cán bộ cung cấp thông tin tại các Bộ, ngành, Tỉnh/thành phố và các Huyện.

### **Giai đoạn 3: Thu thập thông tin:**

Sau khi được tập huấn, các cán bộ được phân công nhiệm vụ sẽ cung cấp các thông tin vào phiếu của đơn vị mình từ các báo cáo hành chính và các nguồn thông tin do đơn vị mình quản lý. Sau đó sẽ chuyển phiếu đã có các thông tin cho bộ phận thu thập thông tin tại Trung ương.

### **Giai đoạn 4: Kiểm tra và nhập dữ liệu, xử lý thông tin**

- Nhận phiếu thông tin được gửi từ các Bộ/ngành, Tỉnh/Thành phố và các Huyện.
- Kiểm tra thông tin và tiến hành nhập liệu thông tin.
- Làm sạch số liệu, đối chiếu thông tin.
- Xử lý kết quả đầu ra.

### **Giai đoạn 5: Công bố kết quả của cuộc điều tra thu thập thông tin**

- In kết quả và công bố kết quả sơ bộ của cuộc điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số.
- Rà soát, đối chiếu, phân tích, đánh giá thông tin.
- Công bố chính thức kết quả của cuộc điều tra phục vụ xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho vùng dân tộc thiểu số.

### **Giai đoạn 6: Khai thác thông tin:**

Tổ chức tập huấn sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số phục vụ công tác quản lý Nhà nước:

- Tập huấn sử dụng phần mềm, khai thác dữ liệu cấp Trung ương;
  - Tập huấn sử dụng phần mềm, khai thác dữ liệu cấp Tỉnh, huyện;
- Nội dung công việc này sẽ được triển khai thực hiện vào năm 2016



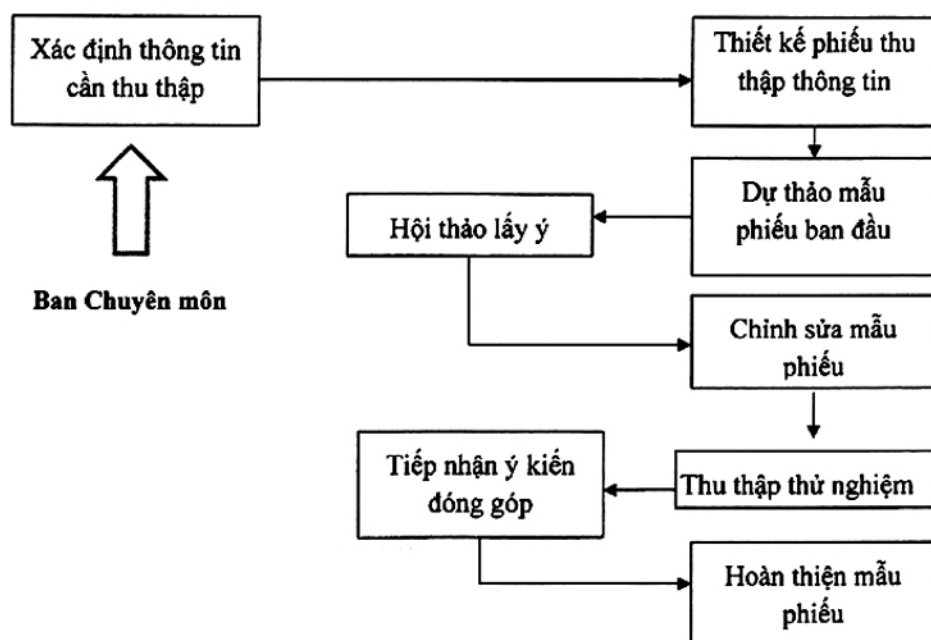
## 5.2. Phương án xây dựng mẫu phiếu

Mẫu phiếu thu thập là một tập hợp các mẫu đề cương báo cáo hành chính được thiết kế theo cấu trúc nhất định để thu thập thông tin. Mẫu phiếu đóng vai trò quan trọng trong quá trình thu thập thông tin.

Nội dung của mẫu phiếu được chia làm 4 phần:

- Phần I: Thông tin chung của đối tượng cần thu thập
- Phần II: Nội dung của các chỉ tiêu
- Phần III. Ký xác nhận của cán bộ cung cấp thông tin
- Phần IV: Ký và đóng dấu của thủ trưởng cơ quan cung cấp thông tin

Quy trình xây dựng mẫu phiếu sẽ được tiến hành theo quy trình sau:



Với 62 chỉ tiêu nêu trên sẽ được thu thập trong 23 mẫu phiếu: Trong đó có 05 mẫu phiếu Bộ, 18 mẫu phiếu Tỉnh.

## 5.3. Phương án mã hóa thông tin

Đây là cuộc thu thập thông tin chủ yếu về số lượng, tỷ lệ nên các câu trả lời không cần mã hoá, các thông tin chính cần được mã hoá bao gồm:

- Tên tỉnh, tên huyện, tên xã: được mã hoá theo mã hành chính của Danh mục hành chính do Tổng cục Thống kê ban hành.
- Mã nhóm chỉ tiêu: các nhóm chỉ tiêu được đánh số theo số nguyên dương tăng dần.

- Mã chỉ tiêu: mỗi mã chỉ tiêu gồm hai thành phần là số và chữ.
  - o Số: là số thứ tự của nhóm chỉ tiêu.
  - o Chữ: các mã chỉ tiêu trong cùng một nhóm chỉ tiêu được lần lượt gán theo bảng chữ cái Latinh tăng dần.
- Mã dân tộc: được mã hoá theo danh mục các Dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 421 ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

#### **5.4. Phương án thu thập thử nghiệm**

Mục đích của cuộc đi thử nghiệm nhằm kiểm nghiệm tính khả thi của các phiếu thu thập thông tin cũng như sự tiếp nhận của đối tượng cung cấp thông tin từ đó có những tiếp thu để hoàn thiện phương án.

Việc thu thập thử nghiệm được tiến hành ở cả 3 cấp là: Trung ương, Tỉnh và Huyện.

#### **5.5. Phương án tập huấn**

Việc tập huấn cho các cán bộ Trung ương, tỉnh, huyện được thực hiện trước khi thu thập thông tin được thực hiện như sau:

- Lớp tập cho người cung cấp thông tin cấp Trung ương gồm 54 học viên/lớp (cụ thể 6 cán bộ tham gia gồm: lãnh đạo Vụ phụ trách công tác dân tộc, chuyên viên thống kê, chuyên viên theo dõi chính sách dân tộc) x 05 Bộ, 3 ngày/lớp.
- Lớp tập huấn cho cán bộ cung cấp thông tin cấp Tỉnh, huyện: Việc thu thập thông tin sẽ được thực hiện tại 51 tỉnh và 455 huyện. Đối tượng của các lớp tập huấn này gồm: cán bộ làm công tác dân tộc tại: Văn phòng UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh, Phòng Dân tộc, Văn phòng UBND các huyện trực thuộc tỉnh. Các lớp tập huấn này sẽ được tổ chức theo vùng, dự kiến số học viên sẽ là 1.012 người, mỗi lớp 60 người/lớp nên số lớp cần tổ chức là 17 lớp, mỗi lớp học sẽ được tổ chức trong 3 ngày.

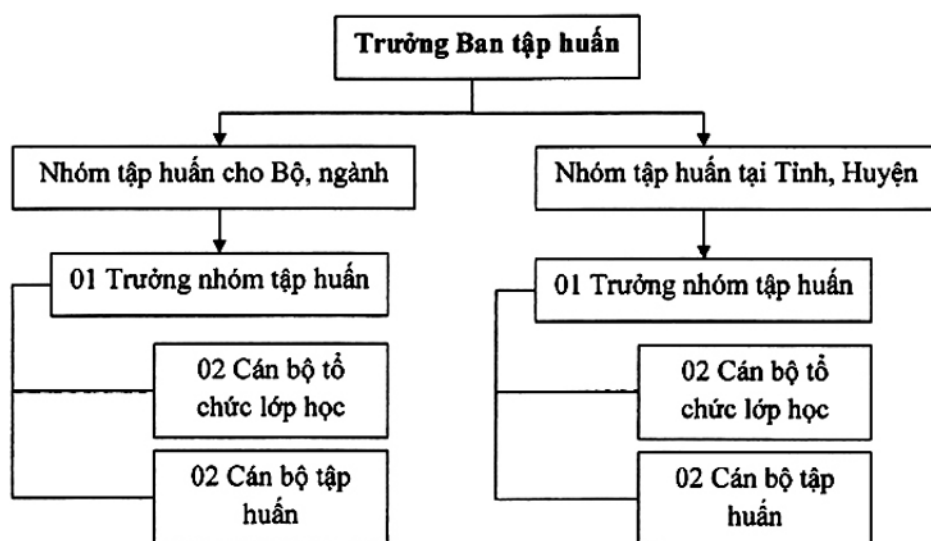
Lớp tập huấn	Số lượng lớp tập huấn trước khi thu thập thông tin
Các Bộ, Ngành	1
Các Tỉnh, Huyện	17
<b>TỔNG SỐ LỚP:</b>	<b>18</b>

Các lớp tập huấn sẽ được tổ chức theo 3 miền: Miền Bắc (Hà Nội); Miền Trung (Đà Nẵng) và Miền Nam (Hồ Chí Minh). Do yêu cầu về thời gian thu thập nên các lớp tập huấn trước khi thu thập thông tin sẽ được tổ chức song song tại 3 miền, và tại mỗi khu vực các lớp tập huấn cũng được tổ chức song song. Thời gian dự kiến cho việc tập huấn thu thập thông tin là 1 tuần. Cán bộ tham gia tập huấn thu thập sẽ là: 05 người \* 17 lớp = 85 người

Vùng miền	STT lớp học	Tên tỉnh	Tổng Số lớp
<b>Miền Bắc (Hà Nội)</b>	Lớp 1	Hà Nội, Vĩnh Phúc, Ninh Bình	<b>6</b>
	Lớp 2	Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn	
	Lớp 3	Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn	
	Lớp 4	Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình	
	Lớp 5	Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ	
	Lớp 6	Lào Cai, Điện Biên, Yên Bái	
<b>Miền Trung (Đà Nẵng)</b>	Lớp 7	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh	<b>6</b>
	Lớp 8	Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế	
	Lớp 9	Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum	
	Lớp 10	Bình Định, Phú Yên, Gia Lai	
	Lớp 11	Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông	
	Lớp 12	Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng	

Vùng miền	STT lớp học	Tên tỉnh	Tổng Số lớp
<b>Miền Nam (Hồ Chí Minh)</b>	Lớp 13	Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương	<b>5</b>
	Lớp 14	Đồng Nai, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh	
	Lớp 15	Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng	
	Lớp 16	An giang, Cần Thơ, Hậu Giang	
	Lớp 17	Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau	

**Mô hình tổ chức:**



**Công tác chuẩn bị hậu cần**

Bộ phận hậu cần gồm 5 cán bộ thực hiện các công việc sau:

- Chuẩn bị in ấn, phân phối tài liệu: Các mẫu phiếu thu thập thông tin, sổ hướng dẫn thực hiện thu thập thông tin;
- Chuẩn bị văn phòng phẩm, cơ sở vật chất phục vụ các cán bộ tập huấn, kiểm tra, giám sát quá trình thu thập, nhập liệu;
- Chuẩn bị các công tác chuẩn bị cho các cán bộ đi công tác tại địa phương.

- Trước các buổi hội thảo, tập huấn cần chuẩn bị, kiểm tra hội trường, âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, market và các điều kiện cần thiết khác...

#### 5.6. **Phương pháp thu thập số liệu**

**Phương pháp thu thập thông tin:** Các mẫu phiếu thu thập được chuyển tới cho người cung cấp thông tin. Người cung cấp thông tin là các cán bộ chuyên môn có một số lượng ngày xác định để điền số liệu vào các phiếu thu thập và chuyển lại cho bên thu thập thông tin. Chi tiết về việc thu thập được thể hiện trong phần quy trình thu thập.

**Thời gian thực hiện thu thập:** Thời gian triển khai thu thập được thực hiện bắt đầu từ tháng 12/2015 (*Chi tiết về kế hoạch thực hiện được xây dựng dựa trên cách thức tiến hành khảo sát và được trình bày cụ thể trong mục Kế hoạch triển khai*)

**Đội ngũ triển khai trực tiếp:** Số liệu thông tin sẽ được chuyển lại bởi người cung cấp thông tin sau một số lượng ngày xác định cả quá trình thu thập được triển khai thông qua sự phối hợp của 2 nhóm:

- Nhóm cán bộ tập huấn: truyền tải các yêu cầu về thông tin cần thu thập tới đối tượng cần thu thập.
- Nhóm tiếp nhận và kiểm soát phiếu sau khi điền thông tin.

**Quản lý chất lượng của thông tin thu thập:** Nhóm tiếp nhận và kiểm soát phiếu phải đảm bảo phiếu đã được điền đúng cách thức. Các mẫu phiếu trả lời phải có xác nhận của cơ quan chức năng liên quan và cán bộ chuyên môn trực tiếp cung cấp số liệu.

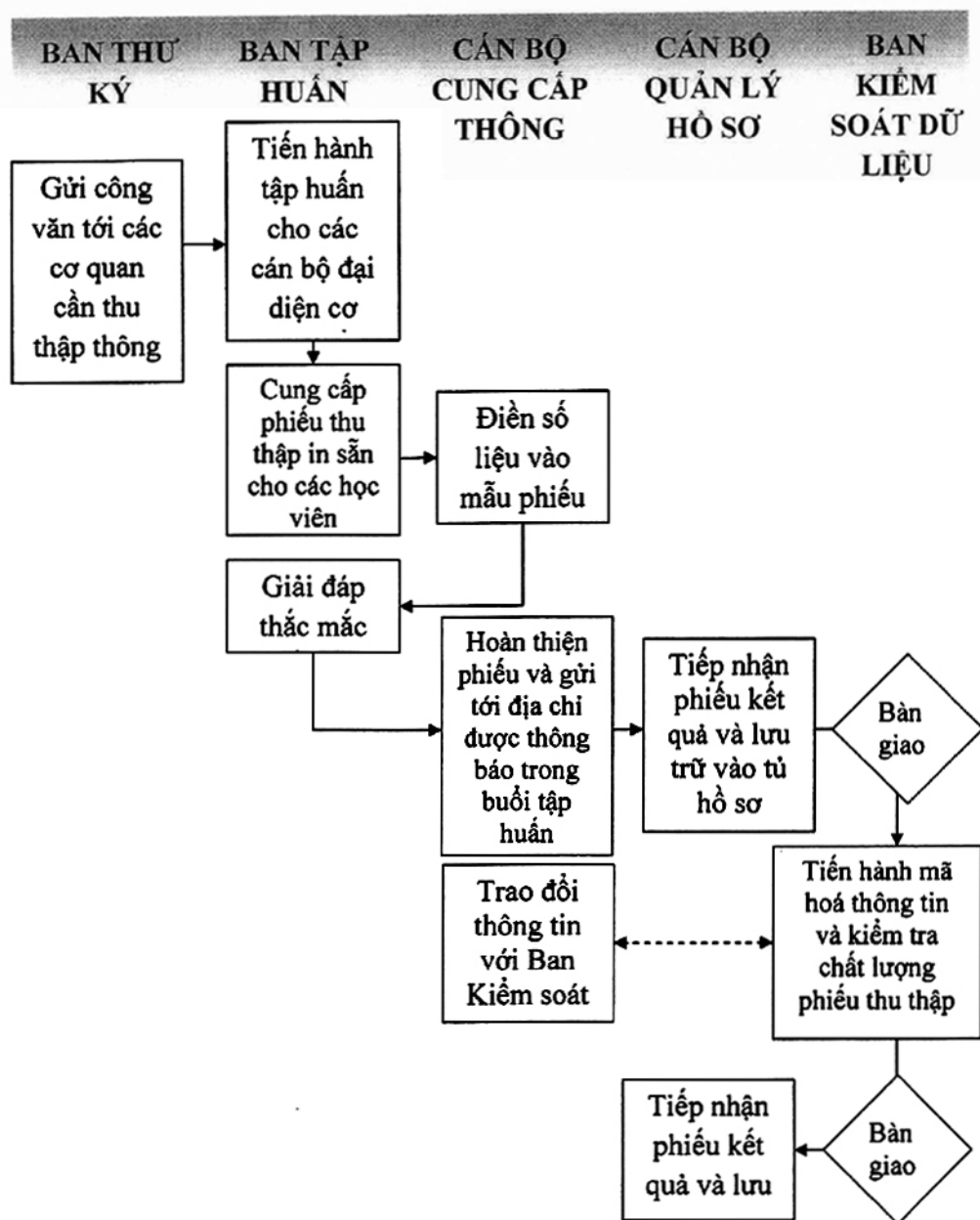
Cuộc thu thập thông tin này được thực hiện thu thập tại Bộ/ngành liên quan, 51 Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương và 455 Huyện bao gồm:

- 49 tỉnh có xã thuộc vùng dân tộc và miền núi theo Quyết định 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban Dân tộc
- Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương: là 2 địa phương tuy không có trong Quyết định 447/QĐ-UBND nhưng là 2 địa phương có các xã, phường, thị trấn có nhiều hộ dân tộc sinh sống.

Nhóm chuyên môn phụ trách chuẩn bị các danh mục gồm có mã và tên dữ liệu:

- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 30/06/2015.
- Danh mục các Dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 421 ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

## Quy trình triển khai thu thập



Với kế hoạch tập huấn đã được lập Ban Thư ký chịu trách nhiệm chuẩn bị các công văn cần thiết gửi tới cho các cơ quan nằm trong danh sách được thu thập thông tin. Các công văn trong quá trình thực hiện gồm có như danh sách dưới đây và có thể phát sinh thêm tùy theo tình hình thực tế:

- Công văn chung về việc thực hiện cuộc thu thập thông tin.
  - Công văn thông báo về lịch tập huấn.
  - Và các công văn cần thiết về nội dung chi tiết của cuộc thu thập thông tin.
- Cán bộ Ban tập huấn thu thập thông tin thực hiện các buổi tập huấn cho cán bộ cung cấp thông tin theo kế hoạch chi tiết đã được trình bày trong phần Phương án tập huấn.
  - Cuối buổi tập huấn, Ban Tập huấn cung cấp cho các cán bộ cung cấp thông tin mẫu phiếu thu thập đã được in sẵn và tài liệu hướng dẫn. Mẫu phiếu này tuân theo các tiêu chuẩn đã được xây dựng và phát cho đối tượng tương ứng. Mỗi mẫu phiếu được phát thêm một bản dự phòng.
  - Các cán bộ cung cấp thông tin điền số liệu vào mẫu phiếu được phát. Trong quá trình thực hiện nếu có thắc mắc cần giải đáp, cán bộ sẽ liên hệ với Ban Tập huấn theo thông tin liên lạc đã được cung cấp.
  - Sau khi hoàn thiện điền số liệu có xác nhận của cơ quan, Cán bộ cung cấp thông tin tiến hành gửi phiếu kết quả qua đường bưu điện tới địa chỉ được cung cấp trong buổi tập huấn thu thập thông tin.
  - Cán bộ quản lý hồ sơ là đại diện ở Trung ương tiếp nhận toàn bộ phiếu kết quả của cuộc thu thập thông tin này.
  - Cán bộ quản lý hồ sơ kiểm soát và tổng hợp tiến độ các địa phương gửi phiếu kết quả và định kỳ gửi báo cáo tiến độ cho Ban Tập huấn.
  - Ban Tập huấn liên lạc với các cán bộ đầu mối cung cấp thông tin và đôn đốc tiến độ.
  - Cán bộ quản lý hồ sơ bàn giao phiếu kết quả cho Ban kiểm soát dữ liệu theo yêu cầu của Ban kiểm soát dữ liệu.
  - Ban kiểm soát dữ liệu rà soát và kiểm tra lại tính hợp lệ của phiếu. Trong quá trình kiểm tra nếu cần xác nhận lại thông tin hoặc trả lại phiếu do không hợp lệ, Ban kiểm soát dữ liệu sẽ liên hệ với cán bộ cung cấp thông tin theo thông tin liên hệ điền trên phiếu.
  - Sau khi rà soát và kiểm tra, Ban kiểm soát dữ liệu bàn giao lại phiếu cho Cán bộ quản lý hồ sơ.

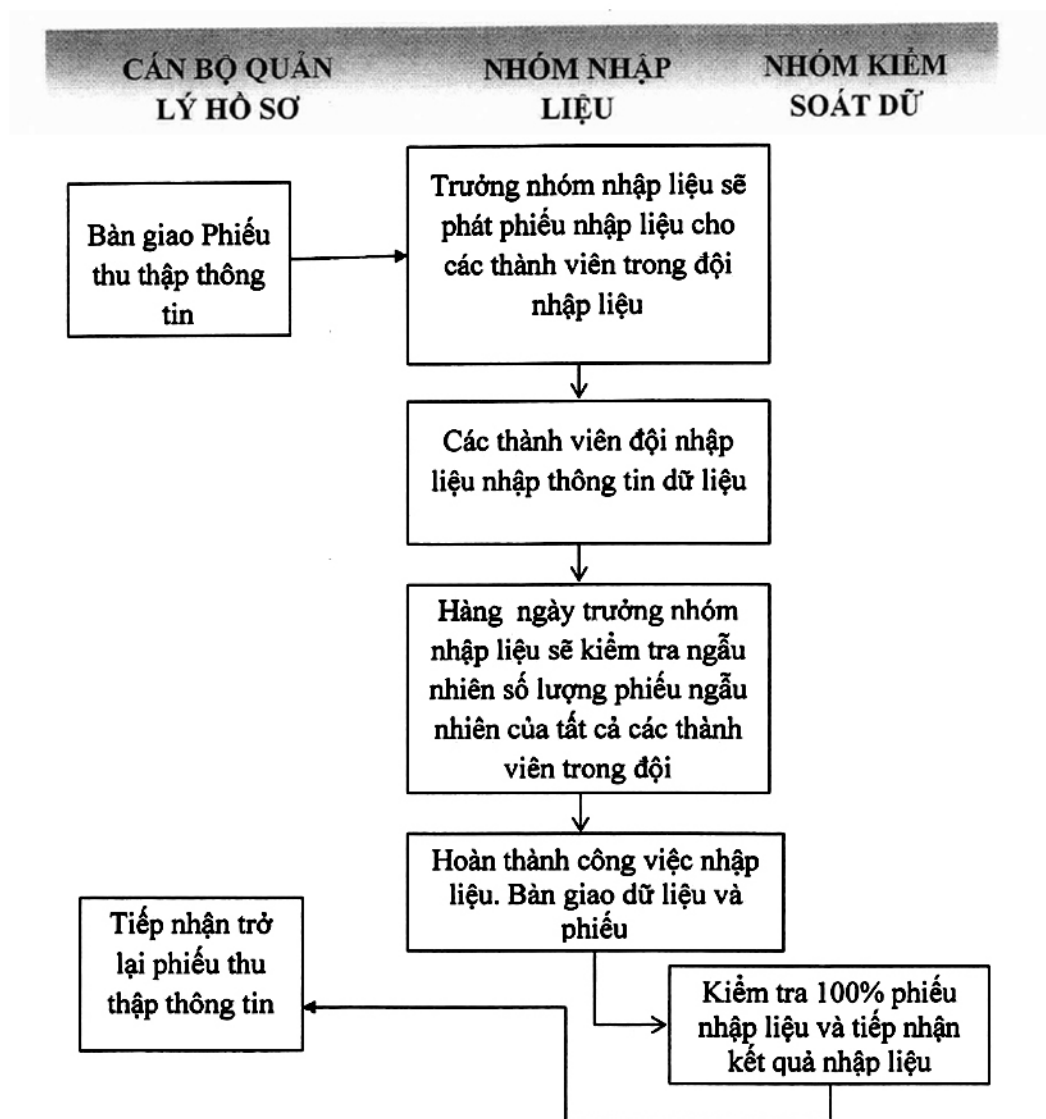
#### **5.7. Phương pháp nhập liệu**

Công đoạn được nhập liệu bắt đầu từ khi đội ngũ thu thập dữ liệu bàn giao dữ liệu thông tin của các Bộ, ngành, Tỉnh/Thành phố, Huyện dưới dạng bản cứng. Các phiếu này sẽ được xử lý, mã hóa, làm sạch phiếu và nhập các thông tin đưa ra báo cáo. Các yếu tố quyết định đến cách thức nhập thông tin gồm:

- Địa điểm nhập thông tin: Ủy ban Dân tộc - 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội

- Nguồn lực nhập thông tin: Đội ngũ cán bộ nhập liệu đủ số lượng, trang thiết bị hỗ trợ nhập liệu cần thiết và được tổ chức hợp lý để công việc nhập liệu hoàn thành đúng yêu cầu, tiến độ.

Quy trình nhập liệu sẽ được tiến hành như sau:

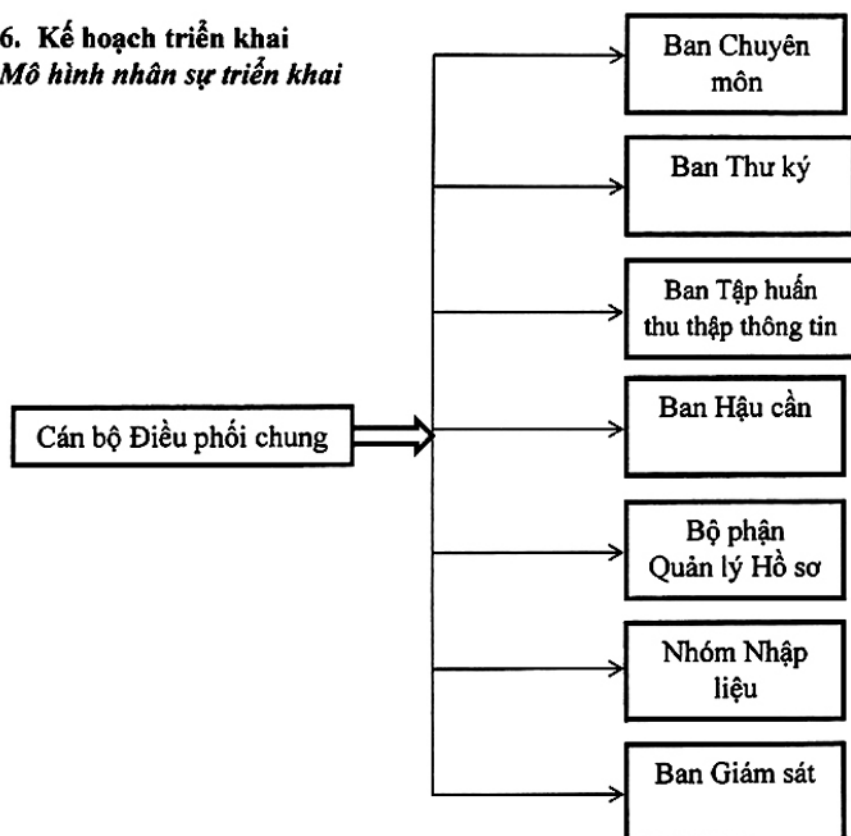


#### 5.8. Công tác kiểm tra, giám sát

Hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua Ban Giám sát gồm công tác kiểm tra thực tế, công tác kiểm soát phiếu điền thông tin hợp lệ và dữ liệu sau khi nhập liệu.



**6. Kế hoạch triển khai**  
**Mô hình nhân sự triển khai**



- **Cán bộ điều phối:**
  - + Phối hợp hiệu quả với các đơn vị, bộ phận liên quan tổ chức tốt các hoạt động của việc thu thập thông tin theo kế hoạch đã thống nhất.
  - + Đôn đốc và theo dõi thực hiện các hoạt động của việc thu thập thông tin.
  - + Lập và gửi báo cáo theo yêu cầu của Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc.
  - + Theo dõi và thông báo kịp thời cho Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc những thay đổi có liên quan đến việc thực hiện việc thu thập thông tin.
- **Ban Chuyên môn:**
  - + Xây dựng phương án, mẫu phiếu điều tra, thu thập thử nghiệm.
  - + Tập huấn cho các cán bộ đi tập huấn tại các Tỉnh/Thành phố.
  - + Phối hợp và làm rõ với các Bộ phận, ban khác.
- **Ban Thư ký:**
  - + Gửi và nhận các công văn, hồ sơ liên quan đến toàn bộ quá trình thu thập thông tin;
  - + Liên hệ với các địa phương về các hoạt động hành chính khác;
  - + Đầu mối giao tiếp thông tin giữa các nhóm theo sự chỉ đạo trực tiếp của Cán bộ điều phối chung bao gồm các công việc như: gửi thông báo chung, thư mời họp, ghi biên bản cuộc họp...

- **Ban Tập huấn**
    - + Tập huấn các cán bộ đại diện cung cấp thông tin;
    - + Giải đáp các thắc mắc của người cung cấp thông tin trong suốt quá trình thu thập;
    - + Là đầu mối liên hệ với các cán bộ cung cấp thông tin để đốc thúc tiến độ.
  - **Ban Hậu cần:**
    - + Chuẩn bị in ấn, phân phối tài liệu;
    - + Chuẩn bị văn phòng phẩm, cơ sở vật chất phục vụ các cán bộ tập huấn, kiểm tra, giám sát quá trình thu thập, nhập liệu;
    - + Chuẩn bị các công tác chuẩn bị cho các cán bộ đi công tác tại địa phương;
    - + Trước các buổi hội thảo, tập huấn cần chuẩn bị, kiểm tra hội trường, âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, market, và các điều kiện cần thiết khác...
  - **Bộ phận Quản lý hồ sơ**
    - + Tiếp nhận và lưu trữ các phiếu thu thập thông tin từ các đơn vị gửi về;
    - + Bàn giao các phiếu cho nhóm nhập liệu trong giai đoạn nhập liệu;
    - + Bàn giao phiếu cho Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Ban này trong quá trình kiểm tra chất lượng phiếu;
    - + Quản lý và kiểm soát tiến độ phiếu thu thập được gửi về. Định kỳ gửi cung cấp thông tin về tiến độ cho Ban Tập huấn.
  - **Nhóm nhập liệu thông tin thu thập**
    - + Nhận phiếu thông tin từ bộ phận quản lý hồ sơ;
    - + Nhập các thông tin từ phiếu vào phần mềm.
  - **Ban Giám sát**
    - + Giám sát quy trình thu thập thông tin, triển khai phối hợp của các đơn vị tham gia;
    - + Kiểm tra chất lượng phiếu thu thập từ các Bộ, ngành, Tỉnh/Thành phố và các Huyện;
    - + Kiểm tra sự chính xác của 100% thông tin của các phiếu nhập liệu.
- Thời gian thực hiện việc thu thập thông tin: Từ tháng 12/2015 – 3/2016

## 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015 do ngân sách nhà nước bảo đảm; tổ chức thực hiện theo Quyết định số 1954/QĐ-TTg ngày 10/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí năm 2015 để thực hiện Đề án điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số cấp cho Ủy ban Dân tộc là: **4.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)** từ nguồn chi quản lý hành chính của ngân sách trung ương năm 2015.



BAN DÂN TỘC

## TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU THẬP THÔNG TIN 53 DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Quyết định số: 669 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

STT	Hạng mục	Chi phí	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.599.559.443</b>	
<b>I</b>	<b>Chi phí giám sát</b>	<b>200.000.000</b>	Biểu I
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng phương án, chỉ tiêu, mẫu phiếu, hội thảo</b>	<b>250.182.405</b>	Biểu II
<b>III</b>	<b>Chi phí tập huấn, thu thập thông tin cho các cán bộ cấp Bộ, Tỉnh, Huyện</b>	<b>3.895.139.952</b>	Biểu III
III.1	Chi phí tập huấn cho các cán bộ cấp Bộ, Tỉnh, Huyện	3.011.195.000	
III.2	Chi phí thu thập thông tin	883.944.952	
<b>IV</b>	<b>Chi phí công bố kết quả điều tra thu thập</b>	<b>135.500.000</b>	Biểu IV
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>119.177.643</b>	
V.1	Chi phí lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá Hồ sơ dự thầu	11.685.420	Biểu V.1
V.2	Chi phí quản lý thu thập thông tin	78.055.043	Biểu V
V.3	Chi phí kiểm toán độc lập	29.437.180	TT 19/2011/TT-BTC
	<b>Tổng cộng (I+II + III + IV + V)</b>	<b>4.600.000.000</b>	
Bảng chữ: Bốn tỷ sáu trăm ngàn đồng chẵn./.			

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**II. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN, CHỈ TIÊU, MẪU PHIẾU, HỘI THẢO**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	<b>Xây dựng phương án, chỉ tiêu, mẫu phiếu, hội thảo thu thập thông tin</b>					
I	Xây dựng chỉ tiêu thu thập, viết tài liệu				<b>45.454.555</b>	Theo TT 18/2010/TT-BLĐTBXH
1	Chuyên gia mức 1 (trên 15 năm)	Người/ngày	10	1.136.364	11.363.640	01 người
2	Chuyên gia mức 2 (10-15 năm)	Người/ngày	15	909.091	13.636.365	01 người
3	Chuyên gia mức 3 (5-10 năm)	Người/ngày	20	454.545	9.090.900	01 người
4	Chuyên gia mức 4 (3 - 5 năm)	Người/ngày	50	227.273	11.363.650	01 người
II	<b>Xây dựng mẫu phiếu</b>				<b>17.250.000</b>	Thông tư số 58 /2011 /TT-BTC
1	Mẫu phiếu cấp Bộ, ngành	Phiếu	5	750.000	3.750.000	Phiếu dưới 30 chỉ tiêu
2	Mẫu phiếu cấp Tỉnh	Phiếu	18	750.000	13.500.000	Phiếu dưới 30 chỉ tiêu
III	<b>Thu thập thử để hoàn thiện phương án, chỉ tiêu, biểu mẫu</b>				<b>112.700.000</b>	
I	<b>Thu thập thử tại các Bộ</b>					
	Phụ cấp công tác phí cho các cán bộ đi thu thập	Người/ngày	30	100.000	3.000.000	TT 97/2010/TT-BTC
	Photo, in ấn tài liệu	Bộ	50	100.000	5.000.000	Theo đơn giá thị trường
	Chi phí đi lại phục vụ công tác thu thập thông tin (10.000 đồng/km * 40 km/Bộ)	Km	120	10.000	1.200.000	Theo đơn giá thị trường

2	Thu thập thử tại các tỉnh, huyện					
	Phụ cấp cho các cán bộ đi thu thập 7 người * 7 ngày/tỉnh * 3 tỉnh)	Người/Ngày	147	150.000	22.050.000	TT 97/2010/TT-BTC
	Chi phí thuê phòng ngủ cho cán bộ đi thu thập thử	Người/ngày	147	350.000	51.450.000	TT 97/2010/TT-BTC
	Chi phí đi lại phục vụ công tác thu thập thông tin (10.000 đồng/km * 600 km/tỉnh	Km	1800	10.000	18.000.000	Theo đơn giá thị trường
	Photo, in ấn tài liệu	Bộ	100	120.000	12.000.000	
IV	Hoàn thiện phương án thu thập thông tin				7.727.277	Theo TT 18/2010/TT-BLĐTBXH
1	Chuyên gia mức 2 (10-15 năm)	Người/Ngày	2	909.091	1.818.182	01 người
2	Chuyên gia mức 3 (5-10 năm)	Người/Ngày	3	454.545	1.363.635	01 người
3	Chuyên gia mức 4 (3 - 5 năm)	Người/Ngày	20	227.273	4.545.460	01 người
V	Hội thảo góp ý phương án thu thập				29.250.000	
1	Chủ trì (Lãnh đạo UBND)	Người/Ngày	1	200.000	200.000	Thông tư số 58 /2011 /TT-BTC
2	Thư ký	Người/Ngày	1	150.000	150.000	Thông tư số 58 /2011 /TT-BTC

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**III. CHI PHÍ TẬP HUẤN THU THẬP THÔNG TIN CHO CÁN BỘ CẤP BỘ, TỈNH, HUYỆN**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tập huấn thu thập thông tin</b>					
<b>I</b>	Mở lớp tập huấn cung cấp thông tin cấp Trung ương (05 Bộ, 6 cán bộ/Bộ) tổ chức 3 ngày	Lớp	1	58.905.000	58.905.000	Chi tiết tại biểu III.1
<b>II</b>	Mở lớp tập huấn cho cán bộ cung cấp thông tin cấp tỉnh, huyện (17 lớp, 60 học viên/lớp, mỗi lớp tổ chức 3 ngày)				2.952.290.000	Chi tiết tại biểu III.2
1	Lớp tập huấn tại Miền Bắc (Hà Nội)	Lớp	6	155.430.000	932.580.000	
2	Lớp tập huấn tại Miền Trung (Đà Nẵng)	Lớp	6	178.860.000	1.073.160.000	
3	Lớp tập huấn tại Miền Nam (Hồ Chí Minh)	Lớp	5	189.310.000	946.550.000	
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>3.011.195.000</b>	

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**III.1. CHI PHÍ TẬP HUẤN THU THẬP THÔNG TIN**

*Mở lớp tập huấn cung cấp thông tin cấp Trung ương (05 Bộ, 6 cán bộ/Bộ) tổ chức 3 ngày*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền(vnd)	Ghi chú
1	Thù lao giảng viên	Người/Ngày	3	1.000.000	3.000.000	Lớp học tổ chức gồm 2 giảng viên, trong 3 ngày (2 buổi/ngày)
2	Khoản xe đưa đón giảng viên	Người/Ngày	3	300.000	900.000	Theo đơn giá thị trường
3	Hỗ trợ ăn cho học viên	Người/Ngày	90	50.000	4.500.000	TT 97/2010/TT-BTC
4	In Tài liệu tập huấn, văn phòng phẩm	Bộ	40	150.000	6.000.000	Theo đơn giá thị trường
5	Nước uống cho giảng viên, Ban tổ chức lớp học, học viên	Ngày	105	30.000	3.150.000	TT 97/2010/TT-BTC
6	Thuê hội trường, máy chiếu	Ngày	3	12.000.000	36.000.000	Theo đơn giá thị trường
8	Chi phí quản lý lớp học				5.355.000	= 10% chi phí cho 1 lớp học
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>58.905.000</b>	

*N*

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**III.2. CHI PHÍ ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, THU THẬP THÔNG TIN**

*Mở lớp tập huấn cho cán bộ cung cấp thông tin cấp tỉnh, huyện (17 lớp, 60 học viên/lớp, mỗi lớp tổ chức 3 ngày)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Miền Bắc (Hà Nội)			Miền Trung (Đà Nẵng)			Miền Nam (HCM)			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (vnd)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (vnd)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (vnd)	
1	Thủ lao giảng viên	Người/ Ngày	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000	TT 97/2010/TT-BTC
2	Chi phí bình quân đi lại của giảng viên và Ban tổ chức lớp	Người/ Lượt	30	200.000	6.000.000	5	4.500.000	22.500.000	5	7.000.000	35.000.000	Thanh toán theo thực tế: Gồm 1 trưởng nhóm đào tạo, 02 cán bộ đào tạo, 02 cán bộ tổ chức lớp học
3	Chi phí đi lại học viên (1 lượt đi và 1 lượt về)	Người/ lượt	120	200.000	24.000.000	120	225.000	27.000.000	120	200.000	24.000.000	Theo đơn giá thị trường
4	Tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên và Ban tổ chức lớp	Phòng/ Ngày	0	0	0	3	600.000	1.800.000	3	600.000	1.800.000	Theo đơn giá thị trường
5	Chi phí lưu trú cho Ban tổ chức lớp	Người/ Ngày	3	150.000	450.000	3	150.000	450.000	3	150.000	450.000	TT 97/2010/TT-BTC
6	Tiền thuê phòng nghỉ cho các học viên là cán bộ tỉnh, huyện	Người/ Ngày	180	250.000	45.000.000	180	250.000	45.000.000	180	250.000	45.000.000	TT 97/2010/TT-BTC
7	Tiền phụ cấp lưu trú của học viên là cán bộ tỉnh, huyện	Người/ Ngày	180	150.000	27.000.000	180	150.000	27.000.000	180	150.000	27.000.000	TT 97/2010/TT-BTC
8	Tài liệu tập huấn và văn phòng phẩm	Bộ	60	150.000	9.000.000	60	150.000	9.000.000	60	150.000	9.000.000	Theo đơn giá thị trường



9	Nước uống	Người/ Ngày	195	30.000	5.850.000	195	30.000	5.850.000	195	30.000	5.850.000	TT 97/2010/TT-BTC
10	Thuê hội trường, máy chiếu	Ngày	3	7.000.000	21.000.000	3	7.000.000	21.000.000	3	7.000.000	21.000.000	Theo đơn giá thị trường
12	Chi phí quản lý lớp học				14.130.000			16.260.000			17.210.000	=10% chi phí cho 1 lớp học
	<b>TỔNG SỐ TIỀN 1 LỚP</b>				<b>155.430.000</b>			<b>178.860.000</b>			<b>189.310.000</b>	

Thuyết minh dự toán:

- Chi phí BQ đi lại của giảng viên và BTC 06 lớp học cho các tỉnh, huyện phía bắc: 5 người, 2 lượt đi về, mỗi lượt 3 ngày
- Chi phí BQ đi lại của giảng viên và BTC 05 lớp học cho các tỉnh, huyện KV miền trung và phía nam: tính theo giá vé máy bay

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**III.3. PHÂN CHIA 17 LỚP HỌC THEO ĐỊA BÀN**

Vùng miền	STT lớp học	Tên tỉnh	Tổng Số lớp
<b>Miền Bắc (Hà Nội)</b>	Lớp 1	Hà Nội, Vĩnh Phúc, Ninh Bình	<b>6</b>
	Lớp 2	Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn	
	Lớp 3	Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn	
	Lớp 4	Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình	
	Lớp 5	Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ	
	Lớp 6	Lào Cai, Điện Biên, Yên Bái	
<b>Miền Trung (Đà Nẵng)</b>	Lớp 7	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh	<b>6</b>
	Lớp 8	Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế	
	Lớp 9	Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum	
	Lớp 10	Bình Định, Phú Yên, Gia Lai	
	Lớp 11	Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông	
<b>Miền Nam (HCM)</b>	Lớp 12	Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng	<b>5</b>
	Lớp 13	Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương	
	Lớp 14	Đồng Nai, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh	
	Lớp 15	Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng	
	Lớp 16	An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang	
	Lớp 17	Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau	

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**III.4. LỊCH XẾP LỚP HỌC DỰ KIẾN**

**Tháng 12/2015**

T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27									
Công tác chuẩn bị						Công tác chuẩn bị						Lớp 1 +2						Lớp 3 +4						Lớp 5+6											
												Lớp 7+8						Lớp 9+10												Lớp 11+12					
												Lớp 13+14						Lớp 15+16												Lớp 17					

**Ghi chú**

Lớp học tổ chức tại Hà Nội

Lớp học tổ chức tại Đà Nẵng

Lớp học tổ chức tại HCM

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**III.5. CHI PHÍ THU THẬP THÔNG TIN CẤP BỘ, TỈNH, HUYỆN**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Thủ lao cung cấp thông tin cấp tin cấp Bộ	Phiếu	5	70.000	350.000	Thông tư số 58 /2011 /TT-BTC
2	Thủ lao cung cấp thông tin cấp tỉnh	Phiếu	918	70.000	64.260.000	Thông tư số 58 /2011 /TT-BTC
3	Thủ lao cho người thu thập phiếu và giám sát (mỗi tỉnh có 3 người và thực hiện trong 7 ngày)	Người/ngày	1071	130.682	139.960.422	Thông tư số 58 /2011 /TT-BTC
4	Phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ cho người đi thu thập phiếu, người giám sát (mỗi tỉnh có 3 người và thực hiện trong 7 ngày)	Người/ngày	1071	350.000	374.850.000	TT 97/2010/TT-BTC
5	Thuế xe cho người đi thu thập phiếu, giám sát (10.000 đồng/km, 500km/tỉnh)	Km	25500	10.000	255.000.000	Theo đơn giá thị trường
6	Xử lý phiếu, mã hóa phiếu, làm sạch phiếu				9.797.230	Không quá 7% mức tiền công thuê điều tra thu thập
7	Tổng hợp số liệu, xử lý phiếu, báo cáo (923 phiếu - Theo DS mẫu phiếu)	Ngày	100	227.273	22.727.300	Chuyên gia mức 4 (3 - 5 năm), theo TT 18/2010/TT-BLĐTBXH
8	Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá kết quả thu thập thông tin	Báo cáo	5	1.000.000	5.000.000	Thông tư số 58 /2011 /TT-BTC
9	Báo cáo tổng hợp kết quả thu thập	Báo cáo	1	12.000.000	12.000.000	Thông tư số 58 /2011 /TT-BTC
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>883.944.952</b>	

*Handwritten signature*

**ỦY BAN DÂN TỘC****IV. CHI PHÍ CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, THU THẬP THÔNG TIN**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	Chi phí lễ công bố kết quả thu thập và điều tra				<b>135.500.000</b>	
1	Chi phí thuê hội trường	Hội trường	1	30.000.000	30.000.000	Theo đơn giá thị trường
2	Chi phí market, hoa		1	10.000.000	10.000.000	Theo đơn giá thị trường
3	Chi phí nước uống cho 250 đại biểu	Người	250	30.000	7.500.000	TT 97/2010/TT-BTC
4	Chi phí máy chiếu, màn chiếu		1	8.000.000	8.000.000	Theo đơn giá thị trường
5	Chi phí in tài liệu, đĩa CD giới thiệu, văn phòng phẩm	Người	250	120.000	30.000.000	Theo đơn giá thị trường
6	Chi phí ăn trưa cho các đại biểu tham dự	Người/ngày	250	200.000	50.000.000	TT 97/2010/TT-BTC
<b>Tổng cộng:</b>					<b>135.500.000</b>	

**ỦY BAN DÂN TỘC**

**V.I. Chi phí lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu**

*DVT: đồng*

TT	Nội dung	Đ.Mức/ đơn giá	Giá Gói thầu	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí lập HSMT gói thầu	0,0010	3.895.139.952	1	3.895.140	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP
2	Chi phí thẩm định HSMT gói thầu	0,0005	3.895.139.952	1	1.947.570	
3	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu	0,0010	3.895.139.952	1	3.895.140	
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu	0,0005	3.895.139.952	1	1.947.570	
<b>Tổng cộng:</b>					<b>11.685.420</b>	

*Handwritten signature*